

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

=====

HỢP ĐỒNG

Số : /2015/HĐ/NCLĐ/ĐL-PL

Công trình: Siêu thị Vinmart Đà Nẵng
Hạng Mục: Cung cấp vật tư, thi công lắp đặt hoàn thiện thiết bị, hệ thống kho lạnh thực phẩm
Địa điểm: Đường Ngô Quyền – P.An Hải Bắc – Q.Sơn Trà – TP.Đà Nẵng

- Căn cứ các văn bản pháp luật liên quan của nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng 05 năm 2015, các bên ký kết gồm có:

1. CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐẠI LONG

Người đại diện : Ông Go One Seoug Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Ô Số 9, E6, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại : 04.668.71535 Fax:
Mã số thuế : 5701676042
Số tài khoản : 0774-000-516-20-002
Tại ngân hàng : IBK – Chi nhánh Hà Nội

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

2. CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÚC LÂM

Đại diện: Ông Nguyễn Đức Lâm Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: số 92 Hồ Tùng Mậu – Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại: 04.22145.999
Mã số thuế: 0101983035
Số tài khoản: 102010000572378– Vietinbank-Chi nhánh Tây Hà Nội

(Sau đây gọi tắt là “Bên B” hoặc “Bên thi công”)

Hai bên đồng ý ký kết Hợp Đồng này với các nội dung sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

1.1 Nội dung công việc:

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện các công việc: Cung cấp vật tư, thi công lắp đặt hoàn thiện thiết bị, hệ thống kho lạnh thực phẩm tại siêu thị Vinmart thuộc dự án Vincom Center Đà Nẵng tại Đường Ngô Quyền – P.An Hải Bắc – Q.Sơn Trà – TP.Đà Nẵng.

1.2 Giá trị Hợp Đồng:

Giá trị Hợp Đồng (gồm VAT): 1.980.000.000 VNĐ

(Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm tám mươi triệu đồng chẵn).

Loại Hợp Đồng: Hợp Đồng theo đơn giá cố định, Báo giá chi tiết đính kèm Hợp Đồng này.

Giá trị Hợp Đồng trên đã bao gồm các chi phí, bao gồm nhưng không giới hạn: chi phí vật tư, nhân công (gồm cả tiền bảo hiểm xã hội, y tế, thuế thu nhập (nếu có)), máy móc thiết bị thi công, phí vận chuyển, chi phí điều hành quản lý thi công, chi phí công trường, các tiện ích

(khí đốt, điện, nước, phí liên lạc, phí xử lý nước thải và chất thải), các loại thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam, phí bảo hiểm đối với các bảo hiểm mà Bên B có nghĩa vụ phải mua theo pháp luật Việt Nam, và các chi phí hợp lý khác để Bên B hoàn thành công việc đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu của Bên A, cũng như để sửa chữa các sai sót, hư hỏng và để thực hiện các nghĩa vụ khác của Bên B theo Hợp Đồng này.

Bất kỳ sự thay đổi phát sinh về đơn giá, hạng mục công việc sau khi ký Hợp Đồng này phải được sự thỏa thuận bằng văn bản với chữ ký của đại diện hai bên trước khi thực hiện.

Giá trị thanh quyết toán Hợp Đồng được tính dựa trên khối lượng thực tế thi công công trình được Bên A và chủ đầu tư nghiệm thu và đơn giá cố định của Hợp Đồng.

ĐIỀU 2. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 2.1 Thời gian hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao cho Bên A: Từ ngày 18/05/2015 đến 27/06/2015
Tiến độ chi tiết từng phần theo yêu cầu của công trường và quy định tại Điều 2.2

Thời gian thi công bao gồm ngày làm việc, ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định, và sẽ được gia hạn khi có sự thay đổi thiết kế theo yêu cầu của Bên A làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công (có văn bản xác nhận của Bên A).

- 2.2 Bên B có trách nhiệm lập tiến độ thi công chi tiết/ biện pháp thi công/biểu đồ nhân lực trình Bên A hoặc chủ đầu tư phê duyệt trong vòng 07 ngày sau khi Hợp Đồng ký kết. Tiến độ thi công chi tiết được duyệt là cơ sở để Bên A kiểm soát tiến độ thi công của Bên B và áp dụng các hình thức phạt nêu tại Điều 6 của Hợp Đồng.

- 2.3 Trên cơ sở biện pháp thi công/ tiến độ thi công chi tiết/ biểu đồ nhân lực do Bên B lập đã được Bên A phê duyệt, theo quyết định của Bên A và thực tế tại Công trường, Bên A có thể bàn giao mặt bằng cho Bên B theo từng phần. Việc Bên B không tuân thủ quyết định này cũng được coi là vi phạm Hợp Đồng, trừ trường hợp việc bàn giao mặt bằng của Bên A làm thay đổi biện pháp thi công/tiến độ chi tiết dẫn đến thay đổi hoặc kéo dài thời gian hoàn thành công việc nêu tại Điều 2.1, hai bên sẽ thỏa thuận và ký Phụ lục bổ sung.

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Thanh toán bằng tiền VNĐ theo hình thức chuyển khoản và được thực hiện thành các đợt như sau:

Sau khi Hợp Đồng được ký kết, Bên A tạm ứng **30%** giá trị Hợp Đồng cho Bên B trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được các tài liệu sau: Văn bản về tiến độ thi công chi tiết/ biện pháp thi công/biểu đồ nhân lực/ danh sách máy móc thiết bị.

Sau khi hoàn thành việc thi công lắp đặt Bên A tạm ứng tiếp cho Bên B 20% giá trị Hợp Đồng cho Bên B trong vòng 07 ngày.

Trong vòng 30 ngày sau khi hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa hạng mục công trình vào sử dụng Bên B phải đệ trình hồ sơ quyết toán thanh lý Hợp Đồng để Bên A phê duyệt. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày hồ sơ quyết toán được Bên A phê duyệt, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến **95%** giá trị quyết toán (sau khi trừ các khoản đã thanh toán và các khoản khấu trừ khác, nếu có). Giá trị quyết toán bằng 5% để bảo hành công trình sẽ được Bên A thanh toán sau khi Bên B đã hết thời gian bảo hành.

ĐIỀU 4. NGHIỆM THU VÀ BẢO HÀNH

- 4.1 Bên B phải ghi chép và đảm bảo có đầy đủ tài liệu theo dõi quá trình thi công. Phối hợp với Bên A đưa vào hồ sơ nghiệm thu và bàn giao cho Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên B có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu và các điều kiện cần thiết để các bên cùng tiến hành nghiệm thu công trình theo đúng tiến độ. Các bên sẽ tổ chức nghiệm thu theo nội dung quy định tại Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Thông tư số 10/2013/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 25 tháng 07 năm 2013 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng và các văn bản có liên quan khác được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế từng thời điểm.

- 4.2 Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình trong thời hạn *12 tháng* kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Để đảm bảo cho nghĩa vụ bảo hành của Bên B theo quy định của Hợp Đồng này, Bên A phải giữ lại 5% giá trị hợp đồng sau khi hết thời hạn bảo hành Bên A sẽ thanh toán hết cho Bên B
- 4.3 Bên A kịp thời thông báo cho Bên B bằng [*văn bản/điện thoại/email/fax*] trong trường hợp phát sinh các vấn đề hư hỏng trong thời gian bảo hành. Khi nhận được thông báo, Bên B có trách nhiệm cử nhân viên kỹ thuật đến để kiểm tra các hư hỏng đó và sửa chữa hoặc thay thế các bộ phận hư hỏng đó trong một khoảng thời gian hợp lý được Bên A (Chủ đầu tư) ấn định, và Bên A (Chủ đầu tư) không phải chịu thêm bất kỳ chi phí nào cho việc thay thế /sửa chữa này.
- 4.4 Trường hợp quá thời hạn khắc phục/sửa chữa mà Bên B không thực hiện hoặc cố tình trì hoãn việc sửa chữa hoặc việc sửa chữa không đạt chất lượng, hoặc do yêu cầu gấp phải sửa chữa, bảo hành để đưa công trình vào sử dụng, hoặc Bên A không thể liên lạc được với Bên B do Bên B thay đổi địa chỉ hoặc đi vắng...., Bên A có quyền chủ động thuê đơn vị khác sửa chữa. Trong trường hợp này, Bên B không có quyền thắc mắc hay khiếu nại về nguyên nhân, chi phí và phải thanh toán toàn bộ chi phí cho Bên A bằng cách thanh toán trực tiếp hoặc Bên A trích từ 5% giá trị còn lại của hợp đồng.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

5.1. Trách nhiệm của Bên A:

Phối hợp cùng chủ đầu tư:

- Có trách nhiệm cung cấp mọi mẫu biểu của Bên A đồng thời tập huấn cho B mọi quy trình thủ tục hành chính cũng như công trường.
- Cung cấp các tài liệu/hồ sơ và yêu cầu kỹ thuật liên quan đến công việc của Hợp Đồng, tạo điều kiện thuận lợi để Bên B tiến hành thi công.
- Phê duyệt bản vẽ thiết kế thi công/ quy cách/ chất lượng/ mẫu thiết bị, vật tư đầu vào trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày Bên B đệ trình.
- Bố trí mặt bằng cho Bên B tập kết và bảo quản vật tư. Cung cấp nguồn điện, nước cho Bên B và hỗ trợ Bên B về điều kiện thi công tại công trường.
- Phối hợp với Bên B để giải quyết các vấn đề phát sinh để đảm bảo chất lượng công việc và tiến độ.
- Thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 3 của Hợp Đồng. Cung cấp hoặc thống nhất cùng Bên B các mẫu biểu tài liệu/biên bản, hồ sơ thanh/quyết toán sau khi ký Hợp Đồng.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Hợp Đồng này và theo thỏa thuận của các Bên từng thời điểm.

5.2 Trách nhiệm của Bên B:

Trong quá trình thi công, hoàn thành, và sửa chữa sai sót trước và sau khi hoàn thành, Bên B có trách nhiệm:

- Thực hiện công việc đúng thiết kế, đảm bảo chất lượng, tuân thủ đúng quy trình, quy phạm hiện hành, các yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật của Bên A (Chủ đầu tư), theo tiêu chuẩn được công bố áp dụng và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, đáp ứng được yêu cầu của thiết kế và tiến độ theo quy định của Hợp Đồng.
- Phối hợp cùng Bên A/Trình Chủ đầu tư phê duyệt các bản vẽ thiết kế thi công (Shopdrawing) và bảng mẫu vật liệu trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký Hợp Đồng. Để cho rõ ràng, việc Bên B chậm trễ trình Bên A phê duyệt các bản vẽ Shopdrawing và bảng mẫu vật liệu nêu trên được coi là vi phạm Hợp Đồng.
- Số lượng cán bộ chỉ huy công trường, cán bộ kỹ thuật, công nhân thi công trên Công trường phải được đăng ký với Bên A, phải có đủ trình độ năng lực chuyên môn, kinh nghiệm theo quy định, phải được phổ biến đầy đủ nội dung các Quy định, Nội quy của Bên A (Chủ đầu tư) khi làm việc, thi công tại công trường và phải được trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao

động theo quy định của pháp luật, tên thương hiệu/logo phải phối hợp với Bên A được in (nếu cần). Trong trường hợp (i) Bên B có quyết định thay đổi cán bộ chỉ huy Công trường/cán bộ kỹ thuật thi công hoặc số lượng nhân công trên Công trường, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A, nêu rõ lý do/nguyên nhân thay đổi và việc thay đổi các nhân sự này phải được Bên A xem xét chấp thuận trước khi thay đổi; và/hoặc (ii) nhân sự của Bên B không đáp ứng được yêu cầu của Bên A, Bên B có trách nhiệm thay nhân sự phù hợp trong khoảng thời gian do Bên A ấn định theo thông báo của Bên A và các chi phí phát sinh sẽ do Bên B chịu.

- d. Máy móc, thiết bị, vật tư đưa vào thi công trong công trình phải phù hợp yêu cầu của công việc, tự bảo quản và phải được xếp đặt đúng nơi quy định. Bên B phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ máy móc, thiết bị của mình. Khi được đưa đến công trình, máy móc thiết bị của Bên B phải là để dùng riêng cho việc thi công công trình. Bên B không được chuyển các hạng mục thiết bị của Bên B ra khỏi công trường nếu không được sự đồng ý của Tư vấn giám sát. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa và người của Bên B ra khỏi công trường.
- e. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A (Chủ đầu tư) kiểm tra, giám sát việc thực hiện thi công, nghiệm thu các công việc hoàn thành. Hợp tác với Bên A (Chủ đầu tư), đại diện hoặc người lao động của Bên A (Chủ đầu tư), các nhà thầu khác do Bên A thuê (nếu có), và các nhân viên của cơ quan Nhà nước có quyền lực hợp pháp có thể liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng này để thực hiện Hợp Đồng này.
- f. Thanh toán tiền điện và các tiện ích khác do Bên A (Chủ đầu tư) cấp để phục vụ thi công theo chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Bên A (Chủ đầu tư). Nếu Bên A (Chủ đầu tư) không thể cung cấp thì Bên B phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Bên B cần để thực hiện Hợp Đồng này. Bên B phải tự chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và đo đạc số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ phải được chấp thuận hoặc xác định bởi Bên A (Chủ đầu tư).
- g. Đảm bảo vệ sinh công trường và môi trường xung quanh (cả trong và ngoài công trường) và hạn chế thiệt hại và ảnh hưởng tới con người và tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và các hậu quả khác do hoạt động của Bên B gây ra. Bên B phải đảm bảo rằng các khí thải, chất thải trên mặt đất và dòng thải do hoạt động của Bên B không được vượt quá mức quy định trong các yêu cầu của Bên A và không được vượt quá mức quy định của pháp luật Việt Nam,
- h. Chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động, chịu trách nhiệm giải quyết mọi sự cố bảo hiểm trong suốt thời gian từ khi bắt đầu đến khi kết thúc Hợp Đồng này và trong thời gian gia hạn hay kéo dài thi công (nếu có).
- i. Chịu mọi trách nhiệm trong trường hợp để xảy ra tai nạn lao động trong quá trình thực hiện Hợp Đồng. Bên A không có trách nhiệm đối với bất cứ sự cố nào đối với con người và thiết bị máy móc của Bên B trên công trường.
- j. Đưa khỏi công trình các cán bộ, nhân viên của Bên B khi có ý kiến bằng văn bản của Bên A (Chủ đầu tư) về việc các cán bộ, nhân viên đó không đủ năng lực chuyên môn, hoặc cố tình vi phạm quy trình kỹ thuật thi công, tái phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng Quy định, Nội quy của công trường, không hợp tác trong quá trình kiểm soát của Bên A.
- k. Đối với những vật tư, thiết bị do Bên A cấp (nếu có), Bên B có trách nhiệm:
 - l. Bên B phối hợp với Bên A thông báo cho Tư vấn giám sát không muộn hơn 07 ngày trước ngày mà mọi thiết bị hoặc hạng mục hàng hóa chính khác được vận chuyển tới công trường. Bên B phải chịu trách nhiệm về việc xếp hàng, vận chuyển, tiếp nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ toàn bộ hàng hóa và các vật dụng khác cần thiết Bên A giao cho Bên B tại chân công trình.
- m. Bên B phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi thực hiện hoạt động trên công trường và khu vực phụ mà Bên B được Bên A (Chủ đầu tư) đồng ý là nơi làm việc. Bên B phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Bên B và nhân lực của Bên B chỉ hoạt động

trong phạm vi công trường và các khu vực phụ và không được cho thiết bị và nhân lực của mình ra ngoài khu vực lân cận.

Trong thời gian thi công, Bên B phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc xếp đặt thiết bị hoặc vật liệu thừa của Bên B. Bên B phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không còn cần nữa.

Sau khi chứng chỉ nghiệm thu đã được cấp, Bên B phải dọn sạch và đưa đi tất cả máy móc thiết bị của mình, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm khỏi những bộ phận của công trường và công trình mà đã được cấp chứng chỉ nghiệm thu. Bên B phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn.

- n. Chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc coi sóc công trình, máy móc, thiết bị, vật tư liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng từ ngày khởi công cho đến ngày khi trách nhiệm được chuyển cho Bên A (Chủ đầu tư). Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, máy móc, thiết bị, vật tư hoặc tài liệu nào của Bên B trong khoảng thời gian Bên B đang chịu trách nhiệm coi sóc, Bên B sẽ phải sửa chữa những mất mát hay hư hỏng để công trình, hàng hóa và tài liệu của Bên B đúng với quy định tại Hợp Đồng.
- o. Bên B có trách nhiệm bảo mật tất cả các thông tin, tài liệu liên quan đến công việc của Hợp Đồng, bao gồm nhưng không giới hạn ở, phạm vi công việc, các sản phẩm/ hàng hóa, đơn giá, thông tin tài chính, thông tin thị trường của Bên A, mọi thông tin liên quan mà Bên B biết được trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này và các thỏa thuận khác (nếu có) (“Thông tin Bảo mật”) và sẽ không phát tán, tiết lộ hoặc trao đổi hoặc dẫn chiếu tới bất kỳ Thông tin Bảo mật nào hoặc dịch chuyển tài liệu chứa đựng bất kỳ Thông tin Bảo mật nào từ Bên A cho bất kỳ nhà thầu nào khác của Bên A hoặc bên thứ ba khác, trừ trường hợp được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A.
- p. Thực hiện đúng đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B theo quy định của Hợp Đồng. Bất cứ văn bản phê duyệt nào của Bên A đều không làm giảm bớt trách nhiệm pháp lý hay các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng này.
- q. Bất kỳ tổn thất hay thiệt hại phát sinh mà Bên A phải gánh chịu do Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định nêu tại Hợp Đồng, Bên B sẽ phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại, và Bên A có quyền khấu trừ vào giá trị thanh, quyết toán phải trả gần nhất cho Bên B mà không cần có sự đồng ý của Bên B.
- r. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Hợp Đồng này và theo thỏa thuận của các Bên từng thời điểm.

ĐIỀU 6: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 6.1 Trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng, Bên nào không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của mình sẽ phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Hợp Đồng này. Cho mục đích áp dụng hình thức phạt vi phạm tại Hợp Đồng này, hai bên tại đây nhất trí áp dụng các quy định từ Điều 6.2 đến 6.7 của Hợp Đồng.
- 6.2 Phạt vi phạm về chất lượng.
 - Nếu Bên B thi công không đúng hoặc không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bản vẽ thiết kế thi công và tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật theo quy định, thì Bên B phải thực hiện việc thay thế hoặc sửa chữa/khắc phục và chịu mọi kinh phí cho việc thay thế/sửa chữa/khắc phục đó. Việc thay thế/sửa chữa/khắc phục được coi là hoàn thành sau khi được Bên A (Chủ đầu tư) nghiệm thu và xác nhận bằng văn bản. Để làm rõ, việc thay thế/sửa chữa/khắc phục phải được thực hiện trong khoảng thời gian hợp lý do Bên A (Chủ đầu tư) ấn định. Trong trường hợp việc thay thế/sửa chữa/khắc phục làm tiến độ thực hiện Hợp Đồng bị chậm so với kế hoạch, Bên A có quyền áp dụng các hình thức phạt như nêu tại Khoản 6.3 của Điều này.
- 6.3 Nếu Bên B không thay thế/sửa chữa/khắc phục hoặc cố tình trì hoãn hoặc thay thế/sửa chữa/khắc phục không đầy đủ, không đảm bảo chất lượng, Bên A có thể tự thực hiện hoặc thuê nhà thầu khác thực hiện tùy theo quyết định của Bên A, và Bên B sẽ phải chịu mọi chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc thay thế/sửa chữa/khắc phục, đồng thời phải chịu phạt

do vi phạm về chất lượng tối đa không quá 12% Giá trị Hợp Đồng hoặc theo mức xử phạt bằng mức Chủ đầu tư phạt Bên A, tùy theo mức phạt nào cao hơn sẽ được áp dụng,

6.4 Phạt chậm tiến độ:

- a. Phạt chậm tổng tiến độ: Nếu Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc chậm tiến độ quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng, thì Bên B phải chịu phạt 0,5% Giá trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm trễ và mức tối đa không quá 12% Giá trị Hợp Đồng. Khoản phạt này được Bên A khấu trừ ngay trong giá trị thanh toán Hợp Đồng của đợt thanh toán gần nhất kể từ ngày xảy ra việc vi phạm. Nếu việc chậm tiến độ vượt quá 20 ngày, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp Đồng và Bên B chịu phạt khoản tiền bằng 12% giá trị Hợp Đồng, đền bù toàn bộ thiệt hại do việc chậm trễ của Bên B gây ra.
- b. Phạt chậm tiến độ theo giai đoạn:
 - Trong trường hợp Bên B chậm tiến độ so với từng phân đoạn theo bảng tiến độ chi tiết được duyệt nêu tại Điều 2 của Hợp Đồng, Bên B phải chịu phạt khoản tiền bằng 0,1% Giá trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm trễ. Khoản phạt này sẽ được Bên A khấu trừ ngay trong các đợt thanh toán của Bên B. Tùy theo chất lượng thi công của Bên B, Bên A có thể xem xét hoàn trả cho Bên B khoản tiền phạt này nếu Bên B có biện pháp khắc phục, đuổi kịp tiến độ và hoàn thành tiến độ ở phân đoạn tiếp theo.
 - Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu tổng thời gian thi công chậm tiến độ lũy kế của các phân đoạn vượt quá 20 ngày, và Bên B không có biện pháp khắc phục hợp lý được Bên A chấp thuận, Bên A có quyền cắt giảm khối lượng thi công của Bên B, giao cho nhà thầu khác thực hiện, và/hoặc đơn phương chấm dứt Hợp Đồng, áp dụng các hình thức phạt theo quy định tại Khoản 6.3(a) của Điều này.

6.5 Phạt chậm thanh toán: Bất kỳ đợt thanh toán nào cũng không được quá hạn theo Điều 3 của Hợp Đồng. Nếu quá thời hạn nêu trên, Bên A sẽ phải trả cho Bên B khoản lãi đối với tiền chậm trả theo lãi suất ngân hàng tính tại thời điểm thanh toán đồng thời Bên A sẽ bị phạt: 0.05% giá trị hợp đồng đối với chậm thanh toán cho từng đợt.

- Trường hợp Bên B không phối hợp với Bên A chậm trễ trong việc nộp Hồ sơ quyết toán, thanh lý Hợp Đồng theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả các yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung các tài liệu trong Hồ sơ quyết toán), Bên A có quyền áp dụng các quy định tại Điều 3.4 của Hợp Đồng và các hình thức phạt như Chủ đầu tư phạt Bên A.

6.6 Phạt vi phạm Quy định, Nội quy công trường: Theo mức phạt của Chủ đầu tư

6.7 Các hình thức phạt khác được áp dụng như Chủ đầu tư đối với Bên A

ĐIỀU 7. TẠM DỪNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

7.1 Một trong hai bên có thể gửi văn bản thông báo tạm dừng thực hiện Hợp Đồng này nếu bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp Đồng, Bên A cũng có quyền yêu cầu Bên B tạm dừng thực hiện công việc tại bất kỳ thời điểm nào. Trong thời gian tạm dừng đó, Bên B phải bảo vệ, đảm bảo các thiết bị không bị xuống cấp, mất mát hay bị hư hỏng.

Sau khi đã nhận được sự cho phép hay hướng dẫn tiếp tục tiến hành, Bên B và Tư vấn giám sát sẽ cùng kiểm tra thiết bị và các vật liệu bị ảnh hưởng do việc tạm ngừng. Bên B sẽ sửa chữa chỗ xuống cấp, hư hỏng hay mất mát của thiết bị hoặc các vật liệu đã xảy ra trong thời gian tạm ngừng.

7.2 Một trong hai bên có thể gửi văn bản chấm dứt Hợp Đồng này cho bên kia ngay lập tức trong trường hợp:

- (i) Bên kia tiếp tục vi phạm Hợp Đồng và/hoặc không khắc phục, khắc phục không đúng, không đầy đủ các vi phạm trong vòng 10 ngày kể từ ngày tạm dừng Hợp Đồng nói trên hoặc thời hạn khác nêu tại Thông Báo Tạm Dừng, tùy thời hạn nào đến sau; và/hoặc
- (ii) Bên kia Bị phá sản hoặc giải thể hoặc bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tạm ngừng hoạt động; và/hoặc

(iii) Các trường hợp khác theo quy định tại Hợp Đồng này.

Bên A cũng có quyền thông báo chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức nếu Bên B tự ý bỏ dở công việc hoặc ngừng thực hiện công việc tới 20 ngày mà không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

7.3 Trong trường hợp trên, bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên vi phạm phải chịu phạt do vi phạm Hợp Đồng và bồi thường thiệt hại. Mức phạt do vi phạm Hợp Đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại được căn cứ vào luật hiện hành của Việt Nam, quy định của Hợp Đồng và các Phụ lục kèm theo Hợp Đồng này.

7.4 Trong trường hợp chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn, Bên B có trách nhiệm ngừng thực hiện toàn bộ công việc ngay lập tức trừ các công việc được Bên A hướng dẫn để đảm bảo an toàn cho con người, tài sản của các bên tại công trường. Bên B phải lập tức rời khỏi công trường và bàn giao cho Bên A toàn bộ hàng hóa, các tài liệu và hồ sơ khác của Bên B mà Bên A đã thanh toán cho Bên B. Bên A có toàn quyền sử dụng hàng hóa, hồ sơ tài liệu này và có quyền tự mình hoặc thuê nhà thầu khác tiếp tục thực hiện công việc của Hợp Đồng. Bên B tự chịu mọi chi phí và rủi ro khi di chuyển thiết bị và lực lượng thi công của Bên B ra khỏi công trường. Tuy nhiên, nếu Bên B còn nợ Bên A một khoản thanh toán nào đó thì Bên A có quyền giữ lại hàng hóa, thiết bị của Bên B để bán lấy lại tiền. Số tiền dư sẽ được hoàn trả cho Bên B.

Nghĩa vụ thanh toán của Bên A đối với Bên B sẽ tùy thuộc vào khối lượng Công Việc Bên B đã thực hiện được. Bên A nghiệm thu cho đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng. Trong trường hợp này, Bên B không được nhận bất kỳ một khoản thanh toán nào cho đến khi Bên A xác định được các chi phí mà Bên A sẽ phải gánh chịu do việc chấm dứt Hợp Đồng. Bên A có quyền thu hồi các khoản tiền đã thanh toán sau khi đối trừ các khoản Bên A sẽ thanh toán cho các Công Việc mà Bên B đã thực hiện đúng và được nghiệm thu theo Hợp Đồng và các khoản khấu trừ khác (nếu có).

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

8.1 Trong thời gian thực hiện Hợp Đồng này, những sự kiện sau được coi là Sự Kiện Bất Khả Kháng: Bao lụt, động đất, chiến tranh, hỏa hoạn, sự thay đổi của chính sách, pháp luật, ngăn cấm của cơ quan nhà nước hoặc các sự kiện khách quan khác.

Với điều kiện:

- c. Sự kiện đó hoàn toàn nằm ngoài sự kiểm soát hợp lý hoặc không do lỗi hoặc sơ suất của bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng, mặc dù bên đó đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép để đề phòng, khắc phục hoặc giảm bớt thiệt hại, gây ra việc chậm trễ hoặc gián đoạn, đình trệ việc thực hiện nghĩa vụ trong Hợp đồng này;
- d. Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng phải thông báo văn bản cho bên kia, trong đó nêu chi tiết về Sự Kiện Bất Khả Kháng, các biện pháp đã tiến hành để đề phòng, khắc phục thiệt hại, dự kiến kế hoạch khắc phục và biện pháp giải quyết.

8.2 Trừ khi có ý kiến khác của Bên A bằng văn bản, Bên B vẫn phải thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tiến hành mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị Sự Kiện Bất Khả Kháng gây trở ngại. Trong trường hợp một Sự Kiện Bất Khả Kháng kéo dài hơn 30 ngày, bất kỳ Bên nào cũng có thể, bằng một thông báo bằng văn bản gửi Bên kia, đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này. Việc chấm dứt Hợp Đồng trong trường hợp này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Bên A theo Hợp Đồng.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Bất kỳ tranh chấp nào giữa các Bên liên quan đến Hợp Đồng này trước tiên phải được giải quyết trên cơ sở thương lượng hòa giải. Trong trường hợp không thể giải quyết được qua thương lượng hòa giải, một trong Các Bên sẽ đưa vụ việc đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 10.1 Bên B cam kết và đồng ý rằng, Bên A có quyền chuyển nhượng, chuyển giao các quyền/nghĩa vụ theo Hợp Đồng này cho bên thứ ba, hoặc trong trường hợp Bên A tổ chức lại doanh nghiệp, bao gồm sáp nhập vào một công ty khác hoặc được chia, hoặc tách hoặc được chuyển đổi, dù là trong quá trình thực hiện công việc hoặc trong thời hạn bảo hành, với điều kiện là việc chuyển nhượng, chuyển giao các quyền/nghĩa vụ đó không gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của Bên B theo Hợp Đồng này.
- 10.2 Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này, mọi trường hợp sửa đổi bổ sung phải được hai bên thỏa thuận và ký kết bằng Phụ lục Hợp Đồng.
- 10.3 Hợp Đồng được điều chỉnh và giải thích bởi pháp luật Việt Nam. Hợp Đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản. Bên B giữ 02 bản.
- 10.4 Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC A
BẢNG DỰ TOÁN/BÁO GIÁ

(Kèm theo Hợp Đồng số:/2015/HĐ/XDVC1 - DL)

PHỤ LỤC B
DANH MỤC HỒ SƠ THANH TOÁN HỢP ĐỒNG
(Kèm theo Hợp Đồng số:/2015/HĐ/XDVC1- DL)

1. Danh mục hồ sơ, tài liệu thanh toán vật tư:

STT	Tên chứng từ	Chữ ký xác nhận	Gốc	Số lượng	Có/Không
1	Công văn ĐNTT của Bên B (Nhà Thầu)	Chủ Đầu Tư	X		<input type="checkbox"/>
2	Biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị đưa vào thi công	Giám sát công trường, Tư vấn giám sát của Chủ Đầu Tư (nếu có), Giám đốc Ban QLXD, Nhà Thầu	X		<input type="checkbox"/>
3	Các tài liệu pháp lý chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng của các vật tư, thiết bị	Cơ quan chức năng có thẩm quyền	<u>Tùy theo loại thiết bị mà quy định là CO, C/Q là bản gốc hay bản sao</u>		<input type="checkbox"/>
4	Biên bản nghiệm thu số lượng vật tư, thiết bị đưa đến công trình	Giám đốc Ban QLXD, giám sát công trường, Tư vấn giám sát của Chủ Đầu Tư (nếu có), Nhà Thầu	X		<input type="checkbox"/>
	Các tài liệu kèm theo hồ sơ thanh toán: - Bảng giá trị đề nghị tạm ứng vật tư nhập về công trường; - Bảng tổng hợp giá trị khối lượng vật tư nhập về; - Bảng tổng hợp khối lượng vật tư nhập về; - Bảng diễn giải khối lượng vật tư nhập về	Theo biểu mẫu hồ sơ, tài liệu thanh toán do Chủ Đầu tư quy định	X		<input type="checkbox"/>
5	Hóa đơn GTGT hợp lệ tương ứng 100% giá trị vật tư được xác nhận/ nghiệm thu	Nhà Thầu	X		<input type="checkbox"/>

2. Danh mục hồ sơ, tài liệu quyết toán, thanh lý Hợp Đồng:

STT	Tên chứng từ	Chữ ký xác nhận	Gốc	Số lượng	Có/Không
1	Công văn ĐNTT của nhà thầu	Nhà thầu			
2	Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục (công trình) để đưa vào sử dụng.	Giám đốc BQLXD (ký nháy), Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát (nếu có), Nhà thầu, Tư vấn thiết kế, Lãnh đạo Đơn vị quản lý sử dụng/Phòng, Ban chuyên môn (đối với các hạng mục đặc thù có liên quan).	X		<input type="checkbox"/>
3	- Biên bản kiểm tra, nghiệm thu hiện trường các công việc xây dựng, lắp đặt tĩnh thiết bị của hạng mục công trình (công trình). - Biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử đơn động và liên động không tải.	Giám sát công trường, Tư vấn giám sát thi công của Chủ Đầu tư (nếu có), Kỹ thuật thi công trực tiếp của nhà thầu, Nhà thầu thiết kế (đối với biên bản	X		

STT	Tên chứng từ	Chữ ký xác nhận	Gốc	Số lượng	Có/Không
	- Biên bản nghiệm thu thiết bị chạy thử liên động có tải	ng nghiệm thu chạy thử thiết bị liên động có tải)			
	Các tài liệu làm căn cứ nghiệm thu : - Phiếu yêu cầu nghiệm thu các công việc hoàn thành thuộc hạng mục công trình, công trình. - Kết quả thí nghiệm chạy thử thiết bị đơn động và liên động không tải. - Kết quả thí nghiệm, hiệu chỉnh, vận hành liên động có tải hệ thống thiết bị công nghệ. - Các tài liệu pháp lý của cơ quan có thẩm quyền về chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng các vật tư, thiết bị đưa vào thi công lắp đặt cho công trình (hạng mục công trình). - Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt và những thay đổi thiết kế đã được phê duyệt. - Nhật ký thi công - Biên bản nghiệm thu nội bộ các công việc xây dựng thuộc hạng mục công trình (công trình) của nhà thầu				
4	Bản vẽ hoàn công công toàn bộ gói thầu	Giám sát công trường, Tư vấn giám sát của chủ đầu tư (nếu có), Giám đốc BQLXD, và Nhà thầu (người lập bản vẽ hoàn công ký, ký và đóng dấu công ty)	X		
5	- Bảng tổng hợp giá trị đề nghị quyết toán giai đoạn; - Bảng tổng hợp giá khối lượng công việc hoàn thành; - Bảng tổng hợp khối lượng công việc hoàn thành; - Bảng diễn giải khối lượng công việc hoàn thành; - Bảng thống kê giá trị khấu trừ tiện ích do CĐT cấp; - Bảng thống kê giá trị phạt; - Bảng thống kê giá trị đã thanh toán, tạm ứng; - Bảng đối chiếu giá trị vật tư CĐT cấp; - Bảng tổng hợp vật tư, thiết bị CĐT cấp; - Bảng tổng hợp khối lượng vật tư sử dụng vào công trình; - Bảng tính toán khối lượng vật tư sử dụng vào công trình.	Theo biểu mẫu hồ sơ, tài liệu thanh toán do Chủ Đầu tư quy định	X		
6	Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc phát sinh (nếu có) (Biên bản này lập đối với các trường hợp các khối lượng phát sinh không thể hiện được bằng bản vẽ)	Giám sát công trường, giám sát công trường, Tư vấn giám sát (nếu có) và Nhà thầu	X		<input type="checkbox"/>
7	Văn bản phê duyệt thiết kế điều chỉnh bổ sung của cấp có thẩm quyền (Nếu có)	Chủ đầu tư (Bản sao)	X		<input type="checkbox"/>
8	Bảng xác phê duyệt đơn giá điều chỉnh, phát sinh (nếu có)	Chủ đầu tư (bản sao)			

STT	Tên chứng từ	Chữ ký xác nhận	Gốc	Số lượng	Có/Không
9	Biên bản thanh lý HĐ	Giám đốc BQLXD, Chủ đầu tư và Nhà thầu, ký đóng dấu	X		<input type="checkbox"/>
10	Hóa đơn GTGT hợp lệ	Nhà thầu	X		<input type="checkbox"/>
11	Thư bảo lãnh bảo hành	Ngân hàng phát hành	X		
12	Các chứng từ khác (nếu có) quy định trong HĐ		X		<input type="checkbox"/>

PHỤ LỤC C
QUY ĐỊNH VỀ XỬ PHẠT, BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN LAO ĐỘNG, VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ AN NINH TRẬT TỰ CÔNG TRƯỜNG

(Kèm theo Hợp Đồng số:/2015/HĐ/XDVC1- DL)

PHẦN I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mọi hành vi vi phạm phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Bên vi phạm phải chịu phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có) và/hoặc buộc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả và/hoặc chế tài khác phù hợp với các Quy định của pháp luật và Quy định này.
2. Hình thức xử phạt vi phạm, áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại hoặc áp dụng các chế tài khác theo Quy định tại Phần II Quy định này, bao gồm:
 - a. Hình thức xử phạt: Phạt tiền, mức phạt tối đa không vượt quá mười hai phần trăm (12%) giá trị Hợp Đồng, đồng thời phải đền bù thiệt hại không giới hạn giá trị (nếu có);
 - b. Các chế tài áp dụng khác, gồm:
 - (i) Chuyển hồ sơ cho cơ quan chức năng xử lý theo Quy định của pháp luật (nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật).
 - (ii) Tạm dừng thi công một phần hoặc toàn bộ công việc bị vi phạm, thời gian dừng thi công vẫn tính vào tiến độ thi công của Nhà thầu vi phạm;
 - (iii) Tạm thu các trang thiết bị, phương tiện, vật dụng không đảm bảo tiêu chuẩn, quy cách, không bảo đảm an toàn khi sử dụng tại công trường, lưu giữ tại kho hoặc địa điểm khác do Chủ đầu tư chỉ định.

Sau khi hoàn thành việc nộp tiền phạt hoặc bồi thường thiệt hại do vi phạm (nếu có), Nhà thầu có thể được nhận lại các tài sản này nếu hoàn tất:

 - Việc thay thế các trang thiết bị, phương tiện, vật dụng không đảm bảo an toàn, tiêu chuẩn, quy cách theo quy định;
 - Có văn bản đề nghị Chủ đầu tư hoàn trả các tài sản tạm thu đó; và
 - Thanh toán toàn bộ các chi phí liên quan (như chi phí vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, ...), không bao gồm số tiền phạt và/hoặc bồi thường thiệt hại nêu tại Hợp đồng và Quy định này.

Chủ đầu tư/Ban QLXD không chịu trách nhiệm về các mất mát, hư hỏng và/hoặc giảm sút giá trị của các tài sản bị tạm thu trong thời gian tạm thu. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể ngày tài sản bị tạm thu, nếu Chủ đầu tư/Ban QLXD không nhận được văn bản đề nghị hoàn trả tài sản của Nhà thầu, thì được coi là Nhà thầu đồng ý từ bỏ các tài sản bị tạm thu và chấm dứt các quyền đối với tài sản tạm thu đó. Chủ đầu tư có quyền tự mình hoặc yêu cầu bên thứ ba xử lý các tài sản này theo quyết định của Chủ đầu tư.
 - (iv) Buộc thực hiện đúng thỏa thuận Hợp đồng hoặc các Quy định về quy cách, tiêu chuẩn nếu Hợp đồng không quy định;
 - (v) Tạm ngừng thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng;
 - (vi) Đình chỉ thực hiện một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng;
 - (vii) Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng
 - c. Xác định bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra theo nguyên tắc sau:
 - (i) Mức bồi thường thiệt hại được tính trên cơ sở những thiệt hại Chủ đầu tư phải gánh chịu do vi phạm của Nhà thầu, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - Các chi phí Chủ đầu tư phải thanh toán để khắc phục hậu quả do vi phạm: sửa chữa, thay thế, kể cả thuê bên thứ ba thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ bị vi phạm;
 - Các chi phí phát sinh khác Chủ đầu tư phải trả cho bên thứ ba do hành vi vi phạm của Nhà thầu (ví dụ: giám định, luật sư, phiên dịch, kiểm toán, ...)
 - Các khoản thu nhập, lợi nhuận Chủ đầu tư có thể được hưởng, nhưng bị mất đi do hành vi vi phạm của Nhà thầu;
 - Các chi phí có liên quan khác.
 - (ii) Các bước thực hiện xử phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:
 - Ngay khi phát hiện vi phạm, cán bộ Ban QLXD lập biên bản vi phạm tại hiện trường theo mẫu đính kèm Quyết định này, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- ✓ Xác định hành vi vi phạm và mức phạt (nếu xác định được tại thời điểm lập biên bản) hoặc xác định thời hạn thông báo mức phạt cụ thể cho Nhà thầu trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày lập biên bản (nếu không xác định được tại thời điểm lập biên bản).
 - ✓ Xác định thiệt hại, bao gồm có thiệt hại, không có thiệt hại hoặc chưa xác định được thiệt hại tại thời điểm lập biên bản và Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu sau khi xác định được các thiệt hại (nếu có).
 - ✓ Yêu cầu di dời ngay tài sản/phương tiện/vật dụng vi phạm ra khỏi công trường hoặc tạm thu các tài sản/phương tiện này.
 - ✓ Các biện pháp khắc phục/sửa chữa.
- Thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về kết quả xác định hành vi vi phạm, mức phạt áp dụng, giá trị thiệt hại tạm tính (liệt kê các chi phí bồi thường thiệt hại theo nguyên tắc nêu tại mục 2(c), (i) trên, việc liệt kê phải chi tiết và cụ thể). Trong vòng hai (02) ngày làm việc nếu Nhà thầu không phản hồi bằng văn bản cho Ban QLXD thì xem như Nhà thầu đồng ý các nội dung theo văn bản Chủ đầu tư đã phát hành.
 - Thông báo cho Nhà thầu thời hạn phải phản hồi về các khoản bồi thường thiệt hại . Trong trường hợp Nhà thầu không đồng ý với mức phạt , mức đền bù theo thông báo của Chủ đầu tư , Ban QLXD có thể mời Nhà thầu đến họp để thống nhất mức bồi thường trong vòng từ hai (02) đến bảy (07) ngày làm việc, tùy theo trường hợp cụ thể. Các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại sẽ được Chủ đầu tư khấu trừ ngay trong lần thanh toán tiếp theo gần nhất. Trường hợp các bên không thỏa thuận được các khoản bồi thường thiệt hại hoặc Nhà thầu không đến và/hoặc không phản hồi trong thời hạn Thông báo, Chủ đầu tư được quyền áp dụng mức khấu trừ tới 60% giá trị thiệt hại tạm tính và Nhà thầu sẽ không có bất kỳ khiếu nại/thắc mắc nào.
 - Tại thời điểm quyết toán, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thống nhất các khoản bồi thường thiệt hại thực tế và sẽ khấu trừ vào giá trị quyết toán của Hợp Đồng. Trường hợp không thống nhất được các khoản bồi thường thiệt hại, thì một hoặc cả hai bên có quyền chỉ định một chuyên gia hoặc đơn vị giám định độc lập theo đề xuất của Chủ đầu tư để xác định/đánh giá giá trị các thiệt hại thực tế mà Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư. Quyết định của chuyên gia hoặc đơn vị giám định độc lập về các khoản bồi thường thiệt hại sẽ có hiệu lực ràng buộc áp dụng ngay đối với các bên để thanh / quyết toán, thù lao mời chuyên gia hoặc giám định sẽ do Nhà thầu thanh toán và/hoặc được khấu trừ vào giá trị thanh toán cho Nhà thầu tại thời điểm đó.
- d. Các biện pháp khắc phục hậu quả: (áp dụng tùy theo trường hợp cụ thể)
- (i) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm gây ra;
 - (ii) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi vi phạm gây ra.
 - (iii) Buộc thực hiện đúng quy trình, quy định về thi công xây dựng công trình.
 - (iv) Buộc trình biện pháp xử lý sự cố vi phạm và thực hiện xử lý sự cố vi phạm đến khi được các bên liên quan đồng ý nghiệm thu
3. Áp dụng mức xử lý vi phạm lần 1 đối với các trường hợp vi phạm bị phát hiện lần đầu.
4. Áp dụng mức xử lý tái phạm:
- Áp dụng đối với các hành vi vi phạm cùng loại xảy ra từ lần thứ hai trở đi mà trước đó Nhà thầu đã bị phạt nhưng không có biện pháp khắc phục vi phạm hoặc khắc phục không triệt để hoặc không có biện pháp kiểm soát thích hợp dẫn đến hành vi vi phạm tiếp tục xảy ra.
 - Tùy theo mức độ vi phạm và thiệt hại xảy ra, mức phạt vi phạm có thể gấp hai (02) hoặc gấp ba (03) lần giá trị mức phạt lần một. Mức xử lý cụ thể đối với các trường hợp tái phạm do Trường ban QLXD quyết định.
5. Danh mục về hành vi , hình thức và mức xử phạt nêu tại Phần II kèm theo Quy định này sẽ được thông báo bằng văn bản của Trường ban QLXD bảy (07) ngày trước ngày áp dụng và có thể được sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm theo quyết định của Chủ đầu tư, phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của Hợp Đồng.

PHỤ LỤC D
QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B (NHÀ THẦU)
TRONG QUYẾT TOÁN TOÀN BỘ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp Đồng số:/2015/HĐ/XDVC1- DL)

1. Quy định về thời gian nộp hồ quyết toán toàn bộ hợp đồng

- Bên B (Nhà thầu) có trách nhiệm nộp Hồ sơ quyết toán toàn bộ Hợp Đồng cho Bên A (Chủ Đầu Tư) trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

2. Trách nhiệm của bên B trong công tác quyết toán

- Bên B có trách nhiệm hoàn thành các hồ sơ quyết toán theo đúng thời hạn đã nêu tại phụ lục này. Hồ sơ phải đảm bảo đúng, đủ thông tin và theo các mẫu mà Bên A đã quy định.
- Trường hợp Bên B không nộp hồ sơ quyết toán đúng thời hạn hoặc hồ sơ quyết toán sai mà không do lỗi khách quan sẽ bị xử lý theo các mức sau đây:

a) Vi phạm quy định về thời hạn nộp hồ sơ quyết toán

- ✓ Giá trị quyết toán gói thầu dưới 500 triệu đồng: Phạt 2.000.000 đồng/ngày chậm nộp hồ sơ;
- ✓ Giá trị quyết toán gói thầu từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng: Phạt 5.000.000 đồng/ ngày chậm nộp hồ sơ;
- ✓ Giá trị quyết toán gói thầu từ hơn 1 tỷ đến 5 tỷ đồng: Phạt 10.000.000 đồng/ ngày chậm nộp hồ sơ;
- ✓ Giá trị quyết toán gói thầu từ hơn 5 tỷ đến 10 tỷ đồng: Phạt 20.000.000 đồng/ ngày chậm nộp hồ sơ;
- ✓ Giá trị quyết toán gói thầu hơn 10 tỷ đến 100 tỷ đồng : Phạt 50.000.000 đồng/ ngày chậm nộp hồ sơ;
- ✓ Giá trị quyết toán gói thầu trên 100 tỷ: Phạt 100.000.000 đồng/ ngày chậm nộp hồ sơ.

b) Vi phạm quy định về tính chính xác của hồ sơ

- ✓ Trường hợp bên B lập sai bản vẽ hoàn công, làm giá trị quyết toán tăng lên so với thực tế, bên B bị phạt số tiền tương đương với 20% giá trị tăng thêm.
- ✓ Trường hợp Bên A phát hiện việc lập sai Bản vẽ hoàn công làm giá trị quyết toán tăng lên so với thực tế là do cố ý bởi Bên B, Bên B sẽ phải chịu phạt số tiền bằng 100% giá trị tăng thêm.